

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/**DS-ST**

Ngày 21 - 9 - 2021

V/v “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Mỹ Hải.

Các hội thẩm nhân dân: ông Trần Mai Khanh và bà Nguyễn Thị Ngân.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Lương Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý 73/2020/TLST-DS ngày 15/6/2020 về “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68b/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Thái Thị Q, sinh năm 1929; địa chỉ: xóm H, xã S, huyện Đ, tỉnh N.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Thái Thị X, sinh năm 1960. địa chỉ: xóm H, xã S, huyện Đ, tỉnh N. Vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

- Bị đơn: bà Thái Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: xóm H, xã S, huyện Đ, tỉnh N. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (về phía nguyên đơn):

+ Bà Thái Thị X, sinh năm 1960; địa chỉ: xóm H, xã S, huyện Đ, tỉnh N. Vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

+ Bà Thái Thị L, sinh năm 1962; địa chỉ: Xóm 9, xã Thái Sơn, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

+ Bà Thái Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 1, xã Thái Sơn, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà Thái Thị L và bà Thái Thị H: ông Thái Bình Dương; địa chỉ: xóm Khuôn (nay là xóm Hồ Sen Khuôn), xã Hòa Sơn, huyện Đ. Có mặt.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (về phía bị đơn):

+ Chị Thái Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Xóm 4, xã Văn Sơn, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

+ Chị Thái Thị Thúy A, sinh năm 1997; vắng mặt.

+ Chị Thái Thị G, sinh năm 2001; vắng mặt.

+ Cháu Thái Thị AT, sinh năm 2011; vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của cháu Thái Thị AT: bà Thái Thị T (mẹ của cháu Anh Thư).

Đều trú tại: xóm H, xã S, huyện Đ, tỉnh N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ cũng như lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thái Thị X trình bày:*

Bố mẹ bà X là bà Thái Thị Q và ông Thái Đình X cùng sinh năm 1929, ông bà có tất cả 4 người con chung 03 gái, 01 trai gồm:

- Thái Thị X, sinh năm 1960;

- Thái Thị L, sinh năm 1962;

- Thái Thị H, sinh năm 1967;

- Thái Đình S, sinh năm 1970 (mất ngày 13/11/2016), có vợ là Thái Thị T, sinh năm 1969. Hai vợ chồng ông S và bà T sinh được 4 người con gái gồm Thái Thị H, Thái Thị Thúy A, Thái Thị G và Thái Thị AT.

Trong thời kỳ hôn nhân cha mẹ bà X có tạo lập được căn nhà cấp 4 có 3 gian và chuồng bò gắn liền với 1.492 m<sup>2</sup> đất, trong đó có 300 m<sup>2</sup> đất ở, 1192 m<sup>2</sup> đất vườn, tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất tại xóm H, xã S, huyện Đ, tỉnh N. Đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/10/2010, có số Seri BC 027221 mang tên bà Thái Thị V (tên thật Thái Thị Q nhưng do UBND khi cấp bìa ghi sai thành Thái Thị V).

Ngày 31/01/2003, ông Thái Đình X qua đời, khi qua đời không để lại di

chúc. Sau khi ông mất thì bà Q và bà X sống với nhau trong căn nhà của cha mẹ, phần em trai út Thái Đình S khi lập gia đình thì cha mẹ bà X để cho một thửa đất riêng để làm nhà ở sinh sống. Đến năm 2009 sau khi đi lao động Liên Xô về có tiền nên em S đã nói với mẹ là bà X rằng con sẽ vào làm nhà ở với mẹ cho vui; đến tháng 9 thì em S thuê người đào móng làm một căn nhà 3 gian để ở, 3 gian bếp và công trình phụ cùng chuồng bò trên diện tích khoảng 300 m<sup>2</sup> phía trước căn nhà của cha mẹ ở. Năm 2016, em S qua đời do tai nạn. Hiện tại bà Q tuổi cao, sức yếu muốn sang tên bìa đất cho con là bà Thái Thị X thì em dâu Thái Thị T phản đối, không đồng ý nên bà Q đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu phân chia di sản của chồng để lại theo qui định của pháp luật và xác định phần bà được hưởng trong khối tài sản chung của ông bà nêu trên.

Bà Q có văn bản nhường lại toàn bộ tài sản và phần thừa kế của bà được hưởng cho con gái đầu ở cùng bà là bà Thái Thị X.

Về phần mình, bà X hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Q, đề nghị Tòa án chia phần di sản do ông Thái Đình X để lại theo qui định của pháp luật trong khối tài sản chung của ông bà nêu trên và xác định phần bà Q được hưởng theo qui định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thái Thị L và bà Thái Thị H thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn, đề nghị Tòa án phân chia phần di sản do ông Thái Đình X để lại theo qui định của pháp luật. Nếu được chia thừa kế thì phần thừa kế của bà Thái Thị L và bà Thái Thị H nhường lại một phần cho bà Thái Thị T cho đủ với diện tích đất mà mẹ con bà T đang sử dụng; phần còn lại nhường lại cho bà Thái Thị X.

*- Bị đơn bà Thái Thị T trình bày:*

Ngày 17/9/2020, bị đơn Bà Thái Thị T gửi bản trình bày thể hiện nội dung: bà không tranh dành đất đai, bà có nguyện vọng yêu cầu các O (chị chồng) làm bìa đỏ cho bà đối với diện tích bà đang ở trên đất bố mẹ chồng, nếu không thì các O bán đất thì đưa tiền cho bà để bà làm nhà chỗ khác để ở.

Tại phiên hòa giải công khai chứng cứ ngày 23/02/2021, bà Thái Thị T và các con Thái Thị Thúy A, Thái Thị G yêu cầu được sử dụng toàn bộ diện tích theo hiện trạng đang ở khoảng 290 m<sup>2</sup>, trong đó điều chỉnh một ít diện tích ở phía sau hồi (hậu cung bàn thờ) khoảng 40 cm. Phần diện tích đất và tài sản trên đất còn lại giao cho bà Thái Thị X sở hữu và sử dụng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thái Thị Thúy A, Thái Thị G thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ trong gia đình, thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của bà Thái Thị T, đề nghị nhường lại phần thừa kế của mình được hưởng cho bà T sử dụng.

Đối với Chị Thái Thị H khi Tòa án thụ lý vụ án dân sự chị đang ở nước ngoài (Đài Loan), ngày 09/4/2021 Công an xã Văn Sơn, huyện Đ xác nhận chị Huyền về nước sinh sống tại Xóm 4, xã Văn Sơn, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Tòa án đã tiến hành triệu tập nhiều lần nhưng chị Huyền không đến tham gia hòa giải, không có ý kiến và yêu cầu về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung vụ kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: chia di sản thừa kế của ông Thái Đình X (đã mất ngày 31/01/2003) là một phần hai thửa đất số 993, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất tại xóm Hồ Sen (nay là xóm Hồ Sen Khuôn), xã Hòa Sơn, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/10/2010, có số Seri BC 027221 mang tên bà Thái Thị Vỹ (tên thật Thái Thị Q nhưng do UBND khi cấp bìa ghi sai thành Thái Thị Vỹ), 1/2 thửa đất tương đương 745,5 m<sup>2</sup> đất, trong đó có 5 suất thừa kế, trích công sức tôn tạo thửa đất cho bà Q, bà X và chia đất cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật.

- Về án phí và chi phí thẩm định, định giá: các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn bà Thái Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Thái Thị H, Thái Thị Thúy A và Thái Thị G được tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhiều lần nhưng vắng mặt. Bà Thái Thị X vắng mặt và có yêu cầu xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt họ là phù hợp với khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án tỉnh Nghệ An được quy định tại các Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết.

2. Về nội dung:

- Về thời hiệu thừa kế: ông Thái Đình X, sinh năm 1929, mất ngày 31/01/2003, căn cứ vào Điều 623 bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản cụ Xuân đã chết để lại vẫn còn.

- Về hàng thừa kế: căn cứ vào Điều 651 BLDS năm 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Xuân gồm:

Vợ là bà Thái Thị Q, các con: Thái Thị X, Thái Thị L, Thái Thị H; Thái Đình S, sinh năm 1970 (mất ngày 13/11/2016) có vợ là Thái Thị T, sinh năm 1969. Hai vợ chồng ông S và bà T sinh được 4 người con gái gồm Thái Thị H, Thái Thị Thúy A, Thái Thị G và Thái Thị AT.

- Về di sản: trong thời kỳ hôn nhân, ông Xuân bà Q có tạo lập được căn nhà cấp 4 có 3 gian và chuồng bò gắn liền với 1491,5 m<sup>2</sup> đất, trong đó có 300 m<sup>2</sup> đất ở, 1192 m<sup>2</sup> đất vườn, tại thửa đất số 993, tờ bản đồ số 19, địa chỉ thửa đất tại xóm Hồ Sen (nay là xóm Hồ Sen Khuôn), xã Hòa Sơn, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/10/2010, có số Seri BC 027221 mang tên bà Thái Thị Vỹ (tên thật Thái Thị Q nhưng do UBND khi cấp bì ghi sai thành Thái Thị Vỹ). Đối với căn nhà cấp 4, Bà Q, bà X đã sửa chữa nhiều lần, giá trị căn nhà không đáng kể, các đương sự không yêu cầu chia thừa kế. Như vậy, di sản cụ Xuân để lại là 1/2 thửa đất tương đương 745,5 m<sup>2</sup>.

- Về công sức quản lý di sản:

Bà Q, bà X ở trên thửa đất do cụ Xuân để lại và có công sức trong việc quản lý di sản từ sau khi cụ Xuân chết; căn cứ Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, cần phải trích công sức quản lý di sản cho bà Q, Bà X bằng quyền sử dụng đất. Hai người được hưởng tương đương một suất thừa kế là phù hợp.

- Tài sản trên thửa đất:

Theo biên bản xem xét thẩm định thì thửa đất hiện trạng đo đạc là 1491,5 m<sup>2</sup>, hiện trạng diện tích tăng phía nương so với đo đạc năm 2016 là 24,3m<sup>2</sup>; giảm phía bên đường so với đo đạc năm 2016 là 18,6m<sup>2</sup>. Biên bản định giá thể hiện 1m<sup>2</sup> đất ở trị giá 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), 1m<sup>2</sup> đất vườn trị giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng). Về tài sản trên thửa đất: nhà bà Thái Thị Q phần diện tích đất đang sử dụng là 1203,5 m<sup>2</sup>, nhà chính cấp 4 cũ 41,3 m<sup>2</sup> (mái tôn 45,8m<sup>2</sup>), phần công trình phụ 52,8m<sup>2</sup>; nhà bà Thái Thị T, phần diện tích đất đang sử dụng là **293,7m<sup>2</sup>**.

- Về phân chia các kỷ phần và hiện vật: căn cứ vào thực tế sử dụng, hiện trạng thửa đất và nguyện vọng của các bên đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

bà L, bà H có nguyện vọng nhường kỷ phần cho bà X và một phần bù vào cho bà T được hưởng bằng với diện tích đất đang sử dụng là 269,4m<sup>2</sup> (trong đó đã trừ 24,3m<sup>2</sup> sử dụng lần); bà Q có nguyện vọng nhường lại cho bà X phần thừa kế, và 1/2 thửa đất của bà. Xét thấy, ý kiến của các đương sự là tự nguyện không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Như vậy, có 05 suất thừa kế và 1 suất công sức tương đương với một suất thừa kế. Di sản của người chết để lại là 1/2 thửa đất có diện tích 733,6m<sup>2</sup>. Mỗi suất thừa kế được xác định là 122,26 m<sup>2</sup> trong đó có 25m<sup>2</sup> đất ở và 97,26 m<sup>2</sup> đất vườn đất trị giá 19.863.000đ (mười chín triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng);

Phần thừa kế của con trai Thái Đình S (đã mất) chuyển tiếp cho vợ và 4 con, mỗi phần được hưởng 24,45 m<sup>2</sup> đất trị giá 3.972.600 đồng (ba triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm đồng); các con Thái Thị Thúy A, Thái Thị G đồng ý giao lại phần thừa kế của mình cho bà T; phần cháu Thái Thị AT đang còn nhỏ giao cho mẹ là bà Thái Thị T quản lý, phần của Thái Thị H do chị Huyền chưa có ý kiến về việc giải quyết vụ án nên giao cho bà T quản lý. Bà L và bà H được hưởng tổng 244,52m<sup>2</sup> (hai suất thừa kế) trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 194,52m<sup>2</sup> đất vườn. Hai bà nhường lại cho bà T 147,14m<sup>2</sup> (25m<sup>2</sup> đất ở, 122,14m<sup>2</sup> đất vườn). Vì vậy, bà T được quyền sử dụng 269,4 m<sup>2</sup> (không bao gồm phần xây lần ra mương 24,3m<sup>2</sup>) trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở và 219,4 m<sup>2</sup> đất vườn trị giá 40.970.000đ (bốn mươi triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng).

Phần diện tích còn lại của bà L, bà H được hưởng 97,38 m<sup>2</sup> (trong đó 25m<sup>2</sup> đất ở và 72,38m<sup>2</sup> đất vườn) giao cho bà Thái Thị X sử dụng. Bà Thái Thị Q nhường lại toàn bộ tài sản của mình và tài sản được thừa kế giao cho bà X. Vì vậy, phần diện tích đất còn lại của thửa đất 1197,76m<sup>2</sup>, giao cho bà X sử dụng.

- Về chi phí thẩm định, định giá: tổng chi phí xem xét thẩm định, định giá là 7.800.000 đồng phía nguyên đơn đã thanh toán xong, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trong đó bà Q, bà X là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí nên bà Q và bà X được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Thái Thị T phải chịu tiền án phí phần tài sản thừa kế và phần tài sản người khác đã nhường lại cho mình (gồm phần của 2 con Thái Thị Thúy A, Thái Thị G và phần của 2 chị Thái Thị L và Thái Thị H nhường lại), phần của các con Thái Thị H, Thái Thị AT giao cho bà T quản lý trị giá 7.945.200đ (bảy triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, hai

trăm đồng) không phải chịu án phí. Bà Thái Thị X phải chịu án phí phần của 2 người thừa kế Thái Thị H và Thái Thị L nhượng lại 97,38 m<sup>2</sup>, trị giá 18.619.000đ (mười tám triệu, sáu trăm mười chín nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 39, 227, 228, 273, Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 219, Điều 650, 651 và 658 Bộ luật dân sự năm 2015; xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị Q: chia thừa kế di sản của ông Thái Đình X (đã mất ngày 31/01/2003), như sau:

Giao cho bà Thái Thị T có quyền sử dụng 269,4m<sup>2</sup> đất trị giá 40.970.000đ (bốn mươi triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng) có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường xóm có độ dài 15,84m và 0,80m;
- Phía Tây giáp phần đất được chia cho bà Thái Thị X có độ dài 11,23m và 7,57m;
- Phía Đông giáp thửa đất được chia cho bà Thái Thị X đoạn gấp khúc có các độ dài 2,97m; 1,28m và 10,09m;
- Phía Nam giáp nương có độ dài 16,67m.

Giao cho bà Thái Thị X được quyền sử dụng 1197,76 m<sup>2</sup> trị giá 114.888.000đ (một trăm mười bốn triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn đồng) và tài sản trên đất có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường có độ dài 5,59m và giáp phần đất được chia cho bà Thái Thị T là đoạn gấp khúc có độ dài 2,97m; 1,28m và 10,09m;
- Phía Đông giáp nương có độ dài 32,87m và 12,82m;
- Phía Tây giáp đường có độ dài 58m;
- Phía Nam có độ dài 21,48m và 4,73m.

*(Có sơ đồ kèm theo).*

Bà Thái Thị T và bà Thái Thị X có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền



thoả thuận thi hành án, quyền thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Thái Thị Q, Thái Thị X là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Thái Thị X phải chịu phần án phí sơ thẩm đối với phần tài sản do bà Thái Thị L và bà Thái Thị H nhượng lại là 930.950đ (chín trăm ba mươi nghìn, chín trăm năm mươi đồng).

Bà Thái Thị T phải chịu 1.651.240đ (một triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Mỹ Hải**